

BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN LÀNG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA

(Nghiên cứu trường hợp làng Đồng Kỵ, Từ Sơn, Bắc Ninh)

*Chu Thu Hương**

1. Mở đầu

Kể từ khi Việt Nam tiến hành chính sách Đổi mới, làng và sự biến đổi nhiều mặt của nó lại càng được các nhà kinh tế học, nhân học, sử học, xã hội học, văn hóa dân gian, văn học và nghệ thuật, các nhà quản lý và hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu hiện nay thường có xu hướng đặt sự biến đổi và các vận động tiếp nối hay đứt đoạn của làng Việt trong bối cảnh của các chính sách đổi mới, công nghiệp, đô thị hóa khu vực nông thôn cùng với các mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa nông thôn và đô thị.

Một thay đổi dễ nhận thấy nhất là sự biến đổi của không gian làng. Sự biến mất của không gian mang tính biểu tượng của làng quê cũ với "lũy tre, bến nước" hay một số nghiên cứu văn hóa thường đặt sự biến đổi này bằng cụm từ "từ làng lên phố" và thường cho rằng, nguyên nhân của sự biến đổi này một cách trực diện là do quá trình đô thị hóa sau chính sách Đổi mới.

Những biến đổi này là một quá trình diễn ra trước hết bởi các tác động từ chính bên trong cộng đồng làng. Chúng cũng được thúc đẩy bởi các tác động từ bên ngoài, nhất là từ các chính sách đổi mới, công nghiệp hóa, đô thị hóa và từ nền kinh tế thị trường. Tất cả những tác động ấy làm biến đổi cấu trúc không gian làng truyền thống, những không gian mới được hình thành. Đang diễn ra sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, truyền thống và hiện đại, giữa nông thôn và đô thị trong không gian làng.

2. Quá trình đô thị hóa ở làng Đồng Kỵ

Đô thị hóa được hiểu là quá trình biến đổi về hình thái định cư từ nông thôn ra thành thị, cấu trúc nghề nghiệp, chuyển từ canh tác nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, thay đổi hệ thống giá trị từ truyền thống đến hiện đại, thay đổi hình thái

* ThS., Viện Bảo tồn di tích.

tiêu thụ sản phẩm, thay đổi về cách sống và cuộc sống gia đình cộng đồng sang cuộc sống gia đình cá nhân. Các tác nhân đô thị hóa là nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi về cấu trúc dân cư, văn hóa và trực tiếp tác động tới sự chuyển biến không gian cảnh quan kiến trúc làng truyền thống.

Một trong những kết quả quan trọng của đô thị hóa là hình thức chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất đai. Bản thân Đồng Kỵ vốn từ lâu đã không phải là một làng thuần nông, cấu trúc dân cư năng động với nhiều nghề thủ công, buôn bán, người dân trong làng cũng di cư đến nhiều vùng khác để làm ăn. Do đặc trưng kinh tế đã có sẵn yếu tố sản xuất hàng hóa, nên việc thích ứng với những tác động của đô thị hóa ở người dân làng Đồng Kỵ dễ dàng hơn với các làng thuần nông. Chúng tôi thấy rằng đô thị hóa ở Đồng Kỵ đã bắt đầu từ trước Đổi mới và gắn liền với sự phát triển và chuyển đổi kinh tế của cộng đồng làng. Như vậy, đô thị hóa ở Đồng Kỵ không phải là một quá trình đô thị hóa cưỡng bức.

Ít nhất từ cuối những năm 70, đặc biệt là từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước, khu vực sản xuất tư nhân ở Đồng Kỵ đã phát triển, nổi bật nhất là nghề thủ công mỹ nghệ chế biến đồ gỗ. Khi chính sách đổi mới của Nhà nước đã thổi thêm luồng gió khích lệ vào nông thôn Việt Nam thì ngành thủ công nghiệp này lại càng có điều kiện bung ra, mở rộng và phát triển ở một trình độ cao hơn. Tính đến năm 1990, có trên 70% tổng số hộ gia đình ở làng tham gia vào nghề chế biến, sản xuất đồ gỗ dưới các hình thức khác nhau. Nghề chế biến sản xuất đồ gỗ ngày càng phát triển, trở thành một mũi nhọn trong nền kinh tế của địa phương. Đi cùng với nó là sự phát triển của các hoạt động thương mại, dịch vụ và cơ sở hạ tầng ở địa phương.

Quá trình phát triển nhiều mặt này ở Đồng Kỵ tất yếu tạo ra một nhu cầu lớn về đất để xây dựng và mở rộng sản xuất, kinh doanh, khiến cho giá đất ở làng tăng lên nhanh chóng, nhất là trong những năm gần đây. Chính sự phát triển kinh tế và gia tăng quá trình đô thị hóa, biến đất ruộng thành đất ở, đất sản xuất và kinh doanh dịch vụ là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho không gian cảnh quan kiến trúc làng biến đổi theo hướng từ truyền thống sang hiện đại, nông nghiệp sang thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, nông thôn sang đô thị ở Đồng Kỵ.

Sự phát triển kinh tế này đã chuyển đổi nền kinh tế hộ nông dân thành một nền kinh tế thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Chính sự chuyển đổi này, đến lượt nó, lại đặt ra nhu cầu mới về không gian và tính chất không gian. Theo đó, không gian sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình được chuyển thành không gian sản xuất thủ công và dịch vụ theo mô hình công ty.

Sức ép dân số và lối sống mới

Sức ép dân số là một nguyên nhân nội tại khác góp phần tạo ra biến đổi không gian cảnh quan kiến trúc làng, sự phát triển kinh tế gắn liền với nhu cầu về lao động. Ngoài số lao động là người làng (khoảng 8.000 người), Đồng Kỵ còn chịu tác động từ bộ phận lớn lao động nhập cư (hơn 6.000 lao động) từ các cư dân ngoài làng. Ngoài ra, phần lớn lao động di cư đến Đồng Kỵ làm việc theo ngày. Mỗi sáng họ di chuyển từ nơi ở đến Đồng Kỵ để làm thuê và lại rời Đồng Kỵ sau một ngày làm việc. Việc tiếp nhận một số lượng lớn lao động di cư như thế trong một cộng đồng với không gian cư trú và sản xuất hạn chế làm cho không gian cư trú và sản xuất ở Đồng Kỵ dù đã được mở rộng vẫn ngày càng trở nên chật chội, ngột ngạt hơn.

Có thể nói, đây là một khía cạnh khác góp phần làm cho nhịp sống nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch sang nhịp sống công nghiệp và đô thị.

Những thay đổi về lối sống như thế đã tác động không nhỏ đến nhu cầu và việc sử dụng các không gian, hạ tầng cơ sở, không gian giao tiếp, không gian ở, vui chơi giải trí và không gian sản xuất, không gian tôn giáo, tín ngưỡng.

Tác động từ bên ngoài

Những chính sách đất đai, kinh tế và các thay đổi về mặt quản lý hành chính, quy hoạch đô thị của chính quyền nhà nước các cấp từ khi Đổi mới cũng đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng đất, phát triển kinh tế và cuối cùng dẫn đến sự thay đổi không gian cảnh quan kiến trúc của làng.

Trong suốt thời kỳ hợp tác xã, các chính sách khuyến nông, cải tạo và quy hoạch đồng ruộng làm gia tăng diện tích đất canh tác song không tác động mạnh mẽ đến không gian cảnh quan kiến trúc của cộng đồng làng.

Ở Đồng Kỵ, nhiều người dân có nhu cầu tích tụ ruộng đất, có vốn sản xuất đã bắt đầu mua quyền sử dụng diện tích đất công ích để xây dựng xưởng sản xuất và khu buôn bán đồ gỗ. Quá trình tích tụ đất, biến đất ruộng thành đất ở, nơi sản xuất và kinh doanh hay xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị hóa diễn ra với một tốc độ rất nhanh.

Đến năm 2003, nhận thức được nhu cầu phát triển, chính quyền địa phương đã chuyển đổi diện tích đất phần trăm để xây dựng khu phố thương mại, góp phần tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế và làm biến đổi mạnh mẽ không gian cảnh quan làng.

Bên cạnh nhu cầu về đất sản xuất, Đồng Kỵ còn phải chịu áp lực từ dân số gia tăng, nhu cầu về đất ở cũng đặt ra bức thiết. Năm 2008, chính quyền địa phương đã đề nghị chính quyền cấp huyện và tỉnh cho phép chuyển đổi 10,6 ha nông nghiệp ở các khu Ba Gò, Bãi Nồi, Cầu Mới thành đất giãn dân (đất thổ cư).

Chỉ sau hơn mười năm phát triển trong xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ, cơ cấu sử dụng đất ở Đồng Kỵ có những sự biến đổi lớn theo hướng thu hẹp đất nông nghiệp và mở rộng đất công nghiệp, dịch vụ, đô thị và đất xây dựng cơ sở hạ tầng.

3. Cấu trúc không gian làng Đồng Kỵ truyền thống

Gắn với vấn đề làng Việt và không gian làng, một câu hỏi đặt ra rằng làng là một thực thể khép kín hay mở? Đây là vấn đề đã gây nhiều tranh luận trong giới học thuật. Có quan điểm cho rằng các cộng đồng làng truyền thống của người Việt thể hiện tính hướng nội, chủ yếu khép kín, mang tính tự trị cao. Không gian làng bao gồm không gian trong làng và ngoài làng là cánh đồng, ruộng lúa, không gian canh tác được phân cách với không gian cư trú trong làng bằng giới hạn của cổng làng. Một quan điểm khác lập luận rằng, cùng với những biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ của xã hội Việt Nam trong những thập kỷ qua, niềm tin về làng Việt như là một thực thể khép kín và tự trị không còn mấy thuyết phục, nếu không muốn nói là bị phản bác. Kéo theo đó là sự mờ đi của ranh giới phân biệt giữa trong và ngoài làng, giữa nơi cư trú và canh tác. Lũy tre vốn là biểu tượng cho sự tự trị, tính khép kín, phản ánh đường biên giữa không gian cư trú với không gian canh tác dường như đã mờ đi, rồi biến mất đến nay chỉ còn tồn tại trong ký ức hay trong tài liệu nghiên cứu mà thôi.

Nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ - là địa điểm tụ cư sớm của người Việt với một mạng lưới các làng cổ trú phú về kinh tế, cảnh quan kiến trúc của làng Đồng Kỵ vừa mang những nét chung bị chi phối bởi đặc điểm tự nhiên, văn hóa, xã hội của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ, vừa mang nhiều nét đẹp riêng của một làng quê đất chật người đông, sớm có sự phát triển năng động, giao lưu mở rộng kinh tế với các làng khác.

Địa giới làng được xác định rõ ràng, ngăn cách với làng Trang Liệt phía nam sông Tiêu Ứng và làng Hương Mạc ở phía Tây sông Ngũ Huyện Khê. Phía bắc và phía nam là đồng ruộng. Địa phận của làng liền một dải, làng không có công điền nằm trong địa phận làng khác.

Không gian cảnh quan kiến trúc truyền thống của làng Đồng Kỵ được cấu trúc bởi không gian cảnh quan kiến trúc nơi cư trú bao gồm: không gian ở, không gian cảnh quan kiến trúc sinh hoạt công cộng (trong làng), không gian cảnh quan kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng (rìa làng) và không gian canh tác, không gian khu nghĩa địa (ngoài làng). Các không gian này tạo thành một tổng thể không gian cảnh quan kiến trúc truyền thống của Đồng Kỵ.

Bảng 1: Cơ cấu các loại đất ở Đồng Kỵ (đầu thế kỷ XIX)*Đơn vị tính: mẫu.sào.thước.tác.phân¹*

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Công điền	27.7.13.6	5,72
2	Tư điền	404.8.13.0	84,796
3	Thần từ tế điền	9.7.10.7	2,04
4	Công thổ	0.1.8.0	0,032
5	Thổ trạch viên tri	33.8.0.0	7,09
6	Nghĩa địa	1.8.0.0	0,32
7	Thổ phụ	0.0.1.1	0,002
	Tổng cộng	477.3.0.4	100

Nguồn: Theo thống kê địa bạ làng Đồng Kỵ năm Gia Long thứ 4 (1805), được sao lại vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) [117, tờ 01- 55].

Không gian cư trú

Ở làng Đồng Kỵ truyền thống, không gian cư trú và không gian canh tác được phân biệt một cách rõ ràng, được thể hiện ở nhận thức về trong làng/ngoài đồng, vào làng/ra đồng. Hiện tượng "hỗn canh hỗn cư" không tồn tại.

Làng Đồng Kỵ bố cục ngõ xóm theo hình tròn, các xóm quy tụ lại với nhau, dường như không có sự phân biệt giữa các xóm. Theo phân loại của Pierre Gourou thì đây là một cấu trúc thường gặp ở các làng truyền thống có lịch sử phát triển lâu đời, dân "tụ" thành mảng lớn, tương đối đều nhau, tạo thành các xóm trong một làng²

1. Quy đổi: 10 sào = 1 mẫu

1 ha = 27 sào = 2.7 mẫu

15 thước = 1 sào

20 tác = 1 thước

10 phân = 1 tác.

2. Pierre Gourou, (2003), *Người nông dân Châu thổ Bắc Kỳ*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Viện Viễn đông Bác cổ, Nxb. Trẻ, tr. 235.

Theo người dân ở Đồng Kỵ, vào thời Hồng Đức, không gian cư trú của làng đã tập trung thành năm ngõ: Phía đông bắc là ngõ Tư, phía đông nam là ngõ Bống Mát (xóm Giếng), phía tây nam là ngõ Bằng, phía tây là ngõ Đột và phía tây bắc là ngõ Nghè. Đến đầu thế kỷ XX, khi Đồng Kỵ là một thôn, có dân số tương đương với một xã, thì 5 ngõ này được gọi là 5 xóm vẫn giữ nguyên lối tổ chức không gian cũ quy tụ theo hình tròn.

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân số trong làng tăng nhanh, dẫn đến việc hình thành thêm các xóm mới là khu Ba Gò và khu trại, vốn ban đầu là khu đất một số người dân làng tách ra ở để tiện chăn nuôi, canh tác. Việc mở rộng không gian cư trú của làng vào khoảng thời gian này đã làm mất đi sự ngăn cách giữa trong làng/ngoài làng. Làm xuất hiện những không gian cư trú mới bên ngoài công xóm/làng.

Theo địa bạ năm Gia Long thứ 4 (1805), thì đất thổ trạch viên tri (tức đất ở, đất vườn và đất ao) của Đồng Kỵ nằm tại xứ Trung Hậu có diện tích: 33.8.0.0 = 12.5 ha trong đó đất thổ cư là 20.7.0.0 = (chiếm 61,2%,) còn lại là đất vườn ao 13.1.0.0 (38,8%).

Không gian tôn giáo tín ngưỡng

Không gian này bao gồm: không gian cảnh quan kiến trúc đình, chùa, đền miếu, từ đường dòng họ.

Làng Đồng Kỵ có hai ngôi đình, thường được gọi theo tên Nôm là đình Cá và đình Con (đình Xuân Đài), đều nằm trong cùng một khuôn viên di tích đình - chùa. Đình Cá vẫn được gọi là đình Cờ nằm ở đầu làng phía tây, tại địa phận xóm Đột. Đình Đồng Kỵ đã được lựa chọn đảm bảo tất cả các yếu tố phong thủy và cảnh quan.

Đình nằm ở hướng tây nam. Trước đây, vào mỗi đợt mưa lớn, nước sông Ngũ Huyện thường dâng cao, tràn vào tận nền đình. Đình ở Đồng Kỵ có quy mô kiến trúc bề thế, với nhiều hạng mục công trình như Nghi môn, Tiền tế, Đại bái, Ông muống... Trong đó, Tiền tế và Đại bái có kiến trúc khá tương xứng gồm 5 gian 2 chái nối với nhau qua ông muống tạo thành bố cục hình chữ Công. Đình được dựng vào thời Cảnh Hưng (1778). Vào ngày hội làng, không gian đình làng trở thành nơi diễn ra các nghi lễ tế thần thành hoàng làng, với lễ rước quan đám và hội pháo thần. Lễ hội làng Đồng Kỵ là một trong những lễ hội nổi tiếng vùng Kinh Bắc.

Nằm phía bên trái đình là chùa Đồng Kỵ, chùa có một không gian khá rộng, thoáng, liên kết với khoảng sân đình. Trong khuôn viên chùa, ngoài các công trình kiến trúc: gác chuông, tam bảo, nhà mẫu, nhà giải... thì hệ thống cây xanh với nhiều cây cổ thụ lớn, tạo nên một cảnh quan rất đẹp.

Đền Đồng Kỵ nằm rìa làng, với nhiều cây xanh, tạo thành không gian, cảnh quan có phần âm u. Kiến trúc đền khá khiêm nhường bao gồm 3 công trình chính: Tiền tế, Trung cung và Hậu cung tạo thành bố cục tổng thể hình chữ Tam. Kiến trúc đền mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

Ngoài ra, còn có miếu, quán và từ đường là kiến trúc tín ngưỡng công cộng, nằm xen lẫn. Trước đây, mỗi xóm đều dựng một quán nhỏ và một điểm canh, nay chỉ còn lại vài miếu xóm.

Không gian canh tác, nghĩa địa

Không gian ngoài làng vốn được coi là không gian mở với cánh đồng ruộng lúa, bãi tha ma và những con đường cái kết nối làng với các làng xung quanh mở ra mối quan hệ "siêu làng". Không gian canh tác bao gồm hai phần công điền và tư điền. Theo nguồn tư liệu địa bạ mà tác giả đã nghiên cứu thì vào thế kỷ XIX, tổng diện tích đất canh tác của Đồng Kỵ là 432.6.11.6 (mẫu.sào.thước.tấc.phân) tương đương 160,2 ha được phân bố tập trung ở 8 xứ đồng.

Cuộc cải cách ruộng đất diễn ra ở làng không làm thay đổi đáng kể quy mô sở hữu ruộng đất của các hộ gia đình trong làng như chúng ta thường thấy ở các làng Việt khác ở đồng bằng sông Hồng. Thêm vào đó, việc sáp nhập rồi lại chia tách Đồng Kỵ và Trang Liệt cũng góp phần gây ra những biến đổi trong không gian canh tác của làng Đồng Kỵ, theo chiều hướng mở rộng.

Là một bộ phận trong cấu trúc không gian làng, bãi tha ma và nghĩa địa là nơi gắn thế giới người sống với thế giới người chết. Đây là một không gian vật chất mang ý nghĩa tín ngưỡng của làng. Địa bạ Gia Long ghi diện tích đất nghĩa địa của làng Đồng Kỵ là 1.8.0.0.0 nằm ở xứ Bãi Trong chỉ chiếm 3,7% tổng diện tích của làng. Do nhu cầu cần phải mở rộng không gian canh tác, những khu đất gò bãi, thổ phụ cũng được san làm đất canh tác trong khi người chết vẫn cần đất để chôn, nên đôi khi ta thấy ở Đồng Kỵ có một vài ngôi mộ xen lẫn trong không gian canh tác. Điều này cũng khá thường xuyên xảy ra với đa phần các làng đồng bằng sông Hồng.

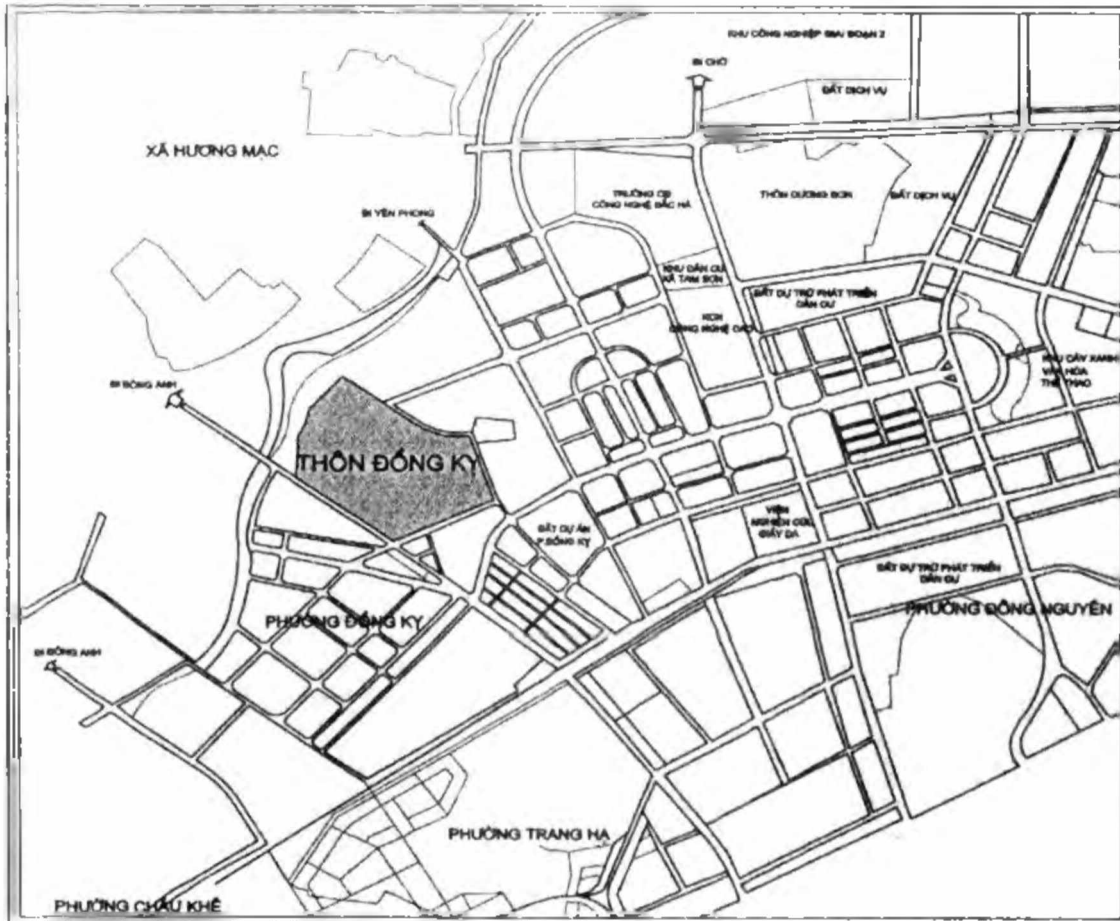
Như bao làng quê Bắc Bộ khác, làng Đồng Kỵ xưa cũng có lũy tre mọc bốn bề bao bọc không gian cư trú của làng. Mở rộng ra bên cạnh làng Đồng Kỵ là cánh rừng Sặt của làng Trang Liệt. Tuy nhiên, hiện nay, thật khó mà tìm ra được dấu vết của những bờ lũy tre xưa. Hình ảnh lũy tre bao bọc lấy không gian cư trú của làng chỉ còn được nhắc lại trong ký ức của một số người cao tuổi trong làng.

Bên cạnh đó, một phần không gian không thể thiếu đó là những không gian chung, là điểm nối kết làng Đồng Kỵ với các làng xung quanh: hệ thống đường "cái quan" con đê và dòng sông Ngũ Huyện. Những cảnh quan này, cho thấy một không gian mở của làng. Cấu trúc không gian cảnh quan kiến trúc làng Đồng Kỵ truyền

thống chứa đựng trong nó sự hài hòa, gắn kết giữa các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh. Nó là sự hài hòa giữa không gian tự nhiên và không gian do con người tạo ra. Nó phản ánh lịch sử tụ cư, sự ứng phó với tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế và truyền thống văn hóa làng.

4. Sự biến đổi cấu trúc không gian làng Đồng Kỵ

Hình 1: Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển không gian làng Đồng Kỵ



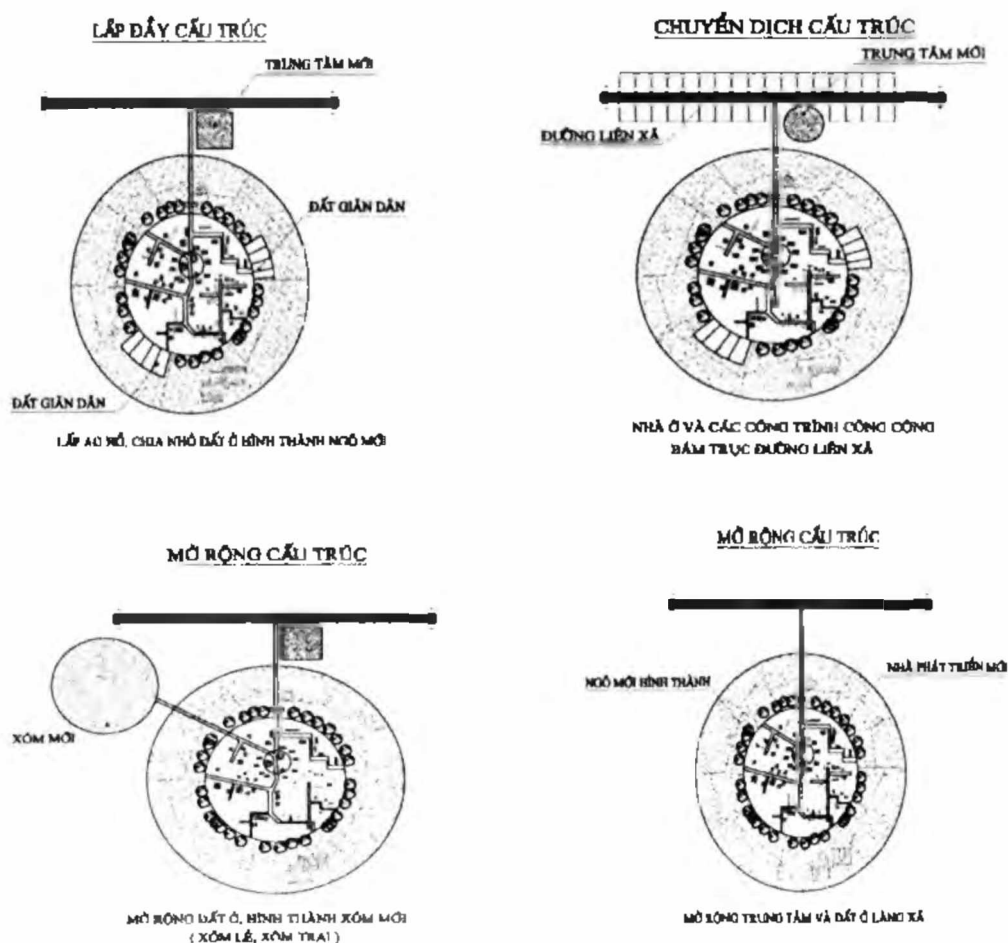
Thứ nhất là sự mở rộng phạm vi không gian làng và sự xuất hiện các không gian mới. Sự phát triển của các hoạt động công nghiệp và kinh doanh đồ gỗ dẫn đến nhu cầu mở rộng địa bàn sản xuất và trao đổi (như địa điểm mở cửa hàng, mở công ty, xưởng sản xuất, v.v.). Trong khi diện tích đất ở làng không đủ đáp ứng nhu cầu của sự phát triển này, nên đã vượt ra khỏi địa phận của làng, lấn sang cả làng Trang Liệt ở bên cạnh. Một diện tích khá lớn đất của Trang Liệt nằm dọc theo tuyến đường số 271 được người dân Đồng Kỵ thuê làm nơi mở cửa hàng buôn bán.

Ranh giới hành chính của làng được tính từ đoạn cầu bắc qua sông Tiêu Ứng, nhưng những cửa hàng đồ gỗ mà chủ sở hữu là người Đồng Kỵ nằm ngay từ dốc

Sắt kéo dài vào tận làng Đồng Kỵ, khiến cho không gian kinh tế, xã hội của Đồng Kỵ được kéo dài và mở rộng vượt ra khỏi không gian hành chính vốn có của làng. Cùng với sự mở rộng về không gian cư trú, sự mở rộng không gian kinh tế, xã hội... đã đem lại một hình ảnh mới về diện mạo không gian làng, khiến cho quan niệm trong làng/ngoài làng không còn phù hợp nữa. Làng phát triển phá vỡ ranh giới làng cũ.

Xét về mặt quản lý hành chính, việc người dân Đồng Kỵ mua đất của Trang Liệt xây dựng các cửa hàng, công ty sản xuất, kinh doanh đồ gỗ không giúp diện tích đất của làng tăng lên, nhưng nó đã phản ánh sự phát triển của làng Đồng Kỵ và trong sự quan sát của mọi người, hình ảnh của làng Đồng Kỵ rõ ràng đã được mở rộng, chiếm lĩnh cả một phần diện tích đất mặt đường của làng Trang Liệt, khiến cho sự hình dung về không gian làng Đồng Kỵ ngày càng được mở rộng theo hướng kéo dài về phía quốc lộ 1A, con đường vốn được coi là huyết mạch giao thông ở khu vực này (không tính trục quốc lộ 1B mới xây dựng).

Hình 2: Một số dạng chuyển dịch không gian ở làng Đồng Kỵ



Sự hình thành không gian đa chức năng mới

Cùng với sự gia tăng dân số, nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển, cơ cấu ngành nghề thay đổi theo hướng thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh và dịch vụ phát triển, thì nhu cầu về chỗ ở, địa bàn sản xuất và kinh doanh của các hộ gia đình ở Đồng Kỵ ngày càng đặt ra bức thiết. Điều này lý giải xu hướng tập trung về các điểm trung tâm của làng, nhất là những khu vực nằm trên trục đường giao thông chính từ ngoài đường quốc lộ 1A đi vào làng. Khu phố mới ra đời đã hình thành một điểm cư trú, địa bàn sản xuất và kinh doanh mới ở Đồng Kỵ.

Với đặc trưng của kiến trúc đô thị có quy hoạch, với những dãy nhà chia lô bám sát mặt đường, các ngôi nhà ở đây gắn liền với chức năng cư trú, sản xuất và kinh doanh đồ gỗ, phản ánh một số đặc điểm của các phố (phường) nghề. Không gian cư trú và không gian sản xuất thủ công nghiệp đã tách rời khỏi không gian sản xuất nông nghiệp.

Với nhà ở quy hoạch theo kiểu tuyến phố, tất cả các ngôi nhà đều hướng ra mặt đường. Một nghiên cứu cho rằng sự hình thành những không gian mới kiểu khu phố ở các làng nghề là do thị trường hàng hóa còn hạn chế (chưa rộng), cộng với tâm lý muốn gắn bó trọn đời với "quê hương" nên cư dân ở nhiều làng nghề vẫn lấy địa điểm nông thôn làm điểm tựa¹.

Khu phố mới đã làm thay đổi bộ mặt không gian làng. Những cư dân ở khu phố này đều là người ở "trong làng" chuyển ra, hay nói cách khác đây là một không gian cư trú và sản xuất mới của làng. Vì thế, không gian này không tách khỏi không gian cư trú truyền thống của làng Đồng Kỵ. Điều này khẳng định mối quan hệ giữa không gian mới với cư dân "trong làng". Sự hình thành không gian cư trú mới bên ngoài không gian cư trú truyền thống giúp cho Đồng Kỵ tránh được những biến đổi mạnh mẽ bên trong cấu trúc không gian cư trú truyền thống.

Nằm trong quy hoạch phát triển trở thành đô thị vệ tinh của Hà Nội, từ cuối những năm 90, tỉnh Bắc Ninh đã có chiến lược phát triển để chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội trở thành một tỉnh công nghiệp và dịch vụ ở phía Bắc của đất nước. Chính vì thế, nhiều khu công nghiệp và đô thị đã nhanh chóng được xây dựng và phát triển. Trong bối cảnh đó, ngày 22/9/2008, toàn bộ huyện Từ Sơn được chuyển thành thị xã Từ Sơn của tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, làng Đồng Kỵ thuộc xã Đồng Quang được chuyển thành phường Đồng Kỵ thuộc thị xã Từ Sơn. Các xóm trong làng cũng được chuyển thành "phố".

1. Phí Văn Ba, (1991), *Gia đình nông dân đồng bằng Bắc Bộ, năng lực thích ứng với điều kiện kinh tế mới*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.152.

Ở Đồng Kỵ, khi thôn chuyển thành phường Đồng Kỵ tương đương với một đơn vị hành chính cấp xã, thì Ủy ban nhân dân phường đảm nhiệm chức năng hành chính của đình trước kia chuyển sang đảm nhiệm các chức năng hành chính của cuộc sống hiện đại.

Sự xuất hiện của những không gian kiến trúc mới có chức năng nghỉ ngơi, giải trí, các dịch vụ khác phù hợp với lối sống hiện đại với nhà hàng, khách sạn, quán café, quán internet, bãi đỗ xe, bưu điện, ngân hàng... và các dịch vụ giải trí khác. Kinh tế phát triển, giao dịch mở rộng, lối sống của người dân trong làng phần nhiều đã chuyển đổi theo lối sống đô thị. Màu sắc đô thị không chỉ được thể hiện ở khía cạnh không gian cảnh quan kiến trúc và cơ sở hạ tầng, mà nó còn thấm vào và làm chuyển đổi lối sống của người dân.

Những quan sát hời hợt về những biến đổi ở Đồng Kỵ có thể dễ đi đến kết luận cho rằng việc quy hoạch khu phố mới nằm ngoài không gian cư trú cũ giúp cho Đồng Kỵ tránh được những biến đổi làm phá vỡ cấu trúc không gian cư trú truyền thống. Không gian cư trú cũ vẫn phần nào giữ được các đặc trưng về bố cục ngõ xóm cổ truyền, không gian tôn giáo tín ngưỡng, không gian cư trú truyền thống với lối sống láng giềng. Song bên cạnh những đặc điểm ấy, khu phố mới với đặc trưng của phố phường đô thị với nhà chia lô có quy hoạch, các dịch vụ hiện đại và trung tâm hành chính của phường đã tô thêm những yếu tố hiện đại vào bức tranh không gian cảnh quan kiến trúc ở Đồng Kỵ.

- *Thứ hai là sự chuyển đổi chức năng không gian:* Sự chuyển đổi này phần nào được thể hiện ở việc thay đổi mục đích sử dụng đất. Thu hẹp không gian canh tác, đồng ruộng và mở rộng không gian cư trú, không gian công cộng, cơ sở hạ tầng. Ở Đồng Kỵ sự chuyển đổi này diễn ra khá sớm do sức ép dân số. Diện tích đất gò bãi, ao đầm và cả đất di tích xưa kia bị thu hẹp dần nhường chỗ cho đất ở, sản xuất và gần đây là đất chuyển đổi sang xây dựng khu công nghiệp. Sự chuyển đổi này đã làm phá vỡ ranh giới trong làng và ngoài làng xưa kia vốn được phân tách khá rõ ràng. Không gian cư trú được mở rộng thành 7 xóm. Hai xóm mới được hình thành là xóm Tân Thành và xóm Đồng Tiến mà trước đây người dân vẫn gọi là khu Ba Gò, khu xóm trại. Dù vậy, không gian cư trú ấy vẫn không giải quyết được sức ép dân số và nhu cầu phát triển kinh tế của làng.

Kể từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX, cảnh quan kiến trúc trong làng ngày càng biến đổi mạnh mẽ. Khi làng chuyển thành phường, xóm chuyển thành phố cũng là lúc những định tính không gian bắt đầu thay đổi. Nếu như không gian xóm vốn được đặc trưng bởi quan hệ láng giềng, địa vực và huyết thống, như miêu nghiên cứu về làng Việt vẫn thường khẳng định, thì phố lại thiên về một đơn vị có chức năng hành chính. Nếu như xóm chứa đựng những khuôn mẫu cư trú của người

nông dân, thì phố là không gian sống của những cư dân đô thị. Trong thực tế ở Đồng Kỵ, những quan sát của tác giả trong khi điền dã cho thấy người dân có lẽ vẫn chưa quen với cách gọi xóm của họ là phố.

Trong tổng thể không gian cảnh quan kiến trúc, không gian công cộng là khu vực có nhiều biến đổi, do tính chất cộng đồng của đời sống làng xã bị suy giảm. Các công trình cũng như diện tích công cộng của làng bị sử dụng với các mục đích khác nhau, hoặc các chức năng sử dụng truyền thống của nó không còn nữa. Nhờ ý thức duy trì và phát huy văn hóa truyền thống của dân làng, những phần còn lại của không gian này được gìn giữ như là không gian lưu giữ những hình ảnh truyền thống.

Do sức ép dân số, phát triển kinh tế, đô thị hóa, mọi khoảng đất trong làng đều được tận dụng ở mức độ tối đa. Chính vì thế quan niệm về những khu đất thiêng trong làng vốn được cho là huyết mạch, là "sống long mạch" của làng, không được phép xây dựng nhà nay đã thay đổi, vì hầu hết các khu đất này đã được sử dụng làm đất ở, đất phục vụ sản xuất hoặc xây dựng các công trình công cộng.

Quan niệm định tính về sự thiêng liêng của mảnh đất giờ đây được thay thế bằng những đánh giá mới: khu đất đắt và khu đất rẻ. Nếu như trước kia, đất rìa làng không mấy giá trị, thường là chỗ ở của dân ngụ cư, thì nay, đất rìa làng, mặt đường lại là chỗ đất giá trị nhất.

Sự phát triển dân số khiến cho các gia đình luôn đối mặt với nguy cơ phải xé nhỏ không gian ở của hộ gia đình nếu xét dưới góc độ sử dụng đất đai, quy hoạch và cư trú. Trong cái giới hạn về mặt bằng ở khu cư trú truyền thống, một giải pháp hợp lý đối với các hộ gia đình là xây dựng nhà hiện đại cao tầng để tăng diện tích sử dụng càng nhiều càng tốt. Phương thức sử dụng không gian dàn trải trên mặt bằng nền trong kiến trúc truyền thống được đẩy lên sử dụng không gian theo chiều cao của kiến trúc hiện đại. Hiện nay, quan niệm nhà phải luôn hướng ra mặt đường, tạo thuận lợi cho kinh doanh, sản xuất, sinh hoạt lại trở thành yếu tố quan tâm hàng đầu về vị trí của nhà.

Như vậy, ở một góc độ, chúng ta thấy kiến trúc nhà ở trong khu vực cư trú truyền thống của làng Đồng Kỵ đã có những thay đổi rất lớn. Với những ngôi nhà hiện đại thay thế những ngôi nhà truyền thống. Điều này dẫn đến nguy cơ phá vỡ không gian khuôn viên nhà truyền thống, vốn là đơn vị cư trú cơ sở, là đặc trưng của cấu trúc tổ chức không gian làng truyền thống.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và đô thị hóa, những ngôi nhà hiện đại kiên cố đang thay thế dần những ngôi nhà gỗ truyền thống, xen lẫn trong đó lại là một sự duy trì của một số không gian nhà cũ. Những ngôi nhà gỗ có giá trị cao về nghệ thuật kiến trúc này vẫn được dùng để ở hoặc cho thuê.

Bức tranh không gian làng cũ đã và đang biến đổi theo nhiều chiều. Cấu trúc, bố cục không gian trong từng gia đình trở nên đa dạng, nhiều màu sắc hơn. Khi không gian bề mặt bị giới hạn, thì sự tính toán hợp lý của người dân là mở rộng không gian theo chiều cao. Đây là một sự ứng phó với quá trình đô thị hóa, với sự gia tăng dân số, với sự mở rộng và phát triển sản xuất và kinh doanh trong cộng đồng làng trong hơn một thập kỷ vừa qua, nhằm tăng và tận dụng một cách triệt để không gian họ có để sống, sản xuất và kinh doanh.

5. Kết luận

Là một làng cổ trong cái nôi văn hóa của xứ Kinh Bắc xưa, Đồng Kỵ với mức tụ cư rất lớn từ lâu đã có kết cấu kinh tế năng động kết hợp: làng buôn - thủ công nghiệp - nông nghiệp. Cấu trúc không gian cảnh quan kiến trúc làng Đồng Kỵ truyền thống chứa đựng trong nó sự hài hòa, gắn kết giữa các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh. Nó là sự hài hòa giữa không gian tự nhiên và không gian do con người tạo ra. Nó phản ánh lịch sử tụ cư, sự ứng phó với tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế và truyền thống văn hóa riêng có của làng.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa diễn ra từ khá sớm với những tác động biến đổi từ bên trong đã làm thay đổi không ngừng cấu trúc không gian làng theo hướng nổi bật, nhất là mở rộng không gian cư trú, thu hẹp không gian canh tác và hình thành những không gian mới.

Trong tổng thể không gian mới này, những giới hạn không gian cũ bị thay đổi, xóa nhòa. Những kiến trúc mới đang dần thay thế kiến trúc truyền thống. Những cảnh quan vốn được coi là những "chỉ định" về làng gần như biến mất. Những kiến trúc mới ngày càng có xu hướng lấp đầy không gian cảnh quan tự nhiên.

Trong mỗi không gian chúng ta cũng thấy có sự biến đổi lớn và sự chuyển đổi chức năng không gian. Trong một số không gian cảnh quan kiến trúc cũ thì chức năng ban đầu của chúng có thể mất đi và thay vào đó là chức năng mới, hoặc bên cạnh chức năng cũ có thêm chức năng mới. Sự biến đổi còn được thể hiện ở chỗ không gian làng được mở rộng hơn, ranh giới giữa ngoài làng và trong làng mất đi.

Sự biến đổi cấu trúc không gian làng Đồng Kỵ là một kết quả tất yếu, chịu sự tác động của nhiều yếu tố. Tất cả các yếu tố này không chỉ thể hiện nội lực của làng mà còn phản ánh sự ứng phó nhanh nhạy của làng trước quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa trong bối cảnh đổi mới.

Sự biến đổi không gian cảnh quan kiến trúc ở Đồng Kỵ cho thấy trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, thì việc

giữ gìn các di sản không gian, cảnh quan kiến trúc làng có lẽ cũng đã, đang và sẽ được đặt ra đối với nhiều cộng đồng làng khác.

Tài liệu tham khảo

1. Phí Văn Ba, (1991), *Gia đình nông dân đồng bằng Bắc Bộ, năng lực thích ứng với điều kiện kinh tế mới*. Nxb. Khoa học xã hội, tr.152.
2. Nguyễn Văn Chính, (1994), "Truyền thống và biến đổi trong cấu trúc cộng đồng làng Việt (qua kết quả nghiên cứu làng La Tinh, xã Đông La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây)", in trong *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam*, tập 1, Hà Nội.
3. Phạm Hùng Cường, (2001), *Chuyển đổi cấu trúc vùng ven đô thị lớn đồng bằng sông Hồng thành đơn vị ở trong quá trình đô thị hóa*, LA. TSKT.
4. Phan Đại Doãn, (2006), *Kết cấu xã hội làng Việt cổ truyền ở đồng bằng châu thổ sông Hồng trong Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*, Khoa Lịch sử, Nxb. Đại học Quốc gia, tr. 38-73.
5. Đảng ủy, HĐND, UBNDTQ xã Đông Quang, (2006), *Lịch sử Đảng bộ xã Đông Quang*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
6. Diệp Đình Hoa, (1998), *Nghi lại về xã hội làng Việt: một tiếp cận mới tới những lý thuyết về làng ở đồng bằng sông Hồng*, ANU, RSPAS, ngày 12/3.
7. Tô Duy Hợp, (1997), *Xã hội học nông thôn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Tô Duy Hợp, (2000), *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lương Văn Hy, "Di dân từ nông thôn ra thành thị ở Việt Nam câu chuyện của hai miền", Kỷ yếu *Hội thảo Việt Nam học*, Tập II, tr. 548-567.
10. Jean - Guy Vaillancourt, (2002), "Phát triển bền vững: nguồn gốc và khái niệm", *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
11. Jeong Nam Song, (1996), *Làng Yên Sở từ truyền thống đến đổi mới và so sánh với những biến đổi ở nông thôn Hàn Quốc*, LA.PTS. H.
12. John Kleinen, (2006), *Làng Việt - đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, H.
13. John Kleinen, (1995), *Sự đáp ứng với việc chuyển biến kinh tế ở một làng Bắc Bộ Việt Nam trong làng xã ở châu Á và ở Việt Nam*. Mạc Dương biên tập, Nxb. Văn hoá. H.
14. Nguyễn Hải Kế, (2006), "Làng Việt với phố - trước phố" (trong *Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*, Khoa Lịch sử, Nxb. Đại học Quốc gia, tr. 401, 410).

15. Ngô Vi Liên, (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
16. Lê Hồng Lý, (2000), *Văn hóa truyền thống làng Đông Kỳ*, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, H.
17. Michael Leaf, (2009), "Những biên giới đô thị mới: Quá trình đô thị hóa vùng ven đô và (tái) lãnh thổ hóa ở Đông Nam Á", *Hội thảo Việt Nam học*, H.
18. Nhiều tác giả, (1997), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nxb. Thế giới, H.
19. Nguyễn Quang Ngọc, (1986), "Qua cuộc hội thảo về làng xã và vấn đề xây dựng nông thôn mới XHCN", *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, số 6.
20. Nguyễn Quang Ngọc, (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII - XIX*, Hội Sứ học Việt Nam.
21. Lê Du Phong, (2007), *Thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các công trình công cộng phục vụ lợi ích quốc gia*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
22. Philippe Papin - Olivier Tessier, (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
23. Pierre Gourou, (2003), *Người nông dân Châu thổ Bắc Kỳ*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Viện Viễn đông Bác cổ, Nxb. Trẻ.
24. Hà Văn Tấn, (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội nhà văn, H.
25. Nguyễn Bá Thái, (1997), *Không gian - thời gian với tư cách là những hình thức cơ bản của mọi tồn tại*, LA. Triết học.
26. Trần Quốc Vương, (2002), "Làng Việt cổ truyền - mặt hay nét dở", Trung tâm Thiết kế và tu bổ di tích, Bản tin Trùng tu di tích, số 13/12/2002, tr. 24.
27. Viện Xã hội học, (2000), *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở Đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Khoa học xã hội.
28. Hue - Tam Ho Tai, Le Hong Ly, *The Revenge of the Object. Villagers and Ethnographers in Dong Ky village*, Asian Ethnology Volume 67, Number 2008, 323 - 343.
29. Placide Rambaud, "Sociologie du village" - (Xã hội học về làng), trong *Villages en développement. Contribution à une sociologie villageoise (Làng mạc đang phát triển. Đóng góp vào xã hội học làng)*, Paris Lahaye, Mouton, 1971, tr 13-33.
30. Michael DiGregorio, *On the Edge: Facing the Urban Transition in Hanoi's Western Suburbs*, Preliminary report on research conducted in September, 2008 April 21, 2009.

- 31 Li Tana, (1996), *Peasants on the Move rural - urban migration in the Hanoi region* (Nông dân trên đường chuyển đổi: sự di cư nông thôn - thành thị ở khu vực Hà Nội), Singapore: Indochina Programme, Institute of Southeast Asian Studies.
- 32 Danielle Labbé, *On the Edge: Pre-Doi Moi Land Relations in Hoa Muc village* do tác giả trình bày tại seminar do Bộ môn Nhân học (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức, 9/2008.
- 33 Địa bạ Kinh Bắc, *Địa bạ làng Đông Kỳ*, số N.2953, Tư liệu TT Lưu trữ Quốc gia I.